

Số:49/2021/QĐST - HNGĐ

B, ngày 17 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01/6/2021;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 mục I phần B danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số:75/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Chị Phạm Thị Hoài T - sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT: SN 04 đường Phùng Chí Kiên, Khu phố 8, phường Đ, thị xã , tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

2/ Anh Mai Thế Minh Đ - sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: SN 04 đường Phùng Chí Kiên, Khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã B, tỉnh T theo quy định tại Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hoài T và anh Mai Thế Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T cấp đăng ký kết hôn ngày 14/3/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, anh Đ thờ ơ với vợ con, không quyết đoán mọi việc trong gia đình, hay nghi ngờ chị T có tính lăng nhăng, mâu

thuần vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã ly thân 2 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Nay cả hai đều xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn, nên hai bên làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Mai Thế A(nam) sinh ngày 02/01/2018. Hai bên thỏa thuận giao cháu Thế A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) cho đến khi cháu Mai Thế A đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án(17/6/2021).

- Về tài sản: Vợ chồng có 12 chỉ vàng đã bán ngày 12/8/2019 được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận anh Đ đưa cho chị T 30.000.000đ. Số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) anh Đ giao cho chị T tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B, tỉnh T khi có quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

[3] Về lệ phí: Anh Mai Thế Minh Đ và chị Phạm Thị Hoài T mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm, năm mươi ngàn đồng). Hai bên thỏa thuận chuyển số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B sang phần lệ phí cho cả hai người.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hoài T và anh Mai Thế Minh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Mai Thế A(nam) sinh ngày 02/01/2018. Hai bên thỏa thuận giao cháu Thế A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) cho đến khi cháu Mai Thế A đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án(17/6/2021).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng có 12 chỉ vàng đã bán ngày 12/8/2019 được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận anh Đ đưa cho chị T 30.000.000đ. Số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) anh Đ giao cho chị T tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B, tỉnh T khi có quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật nếu anh Mai Thế Minh Đ không trả số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) cho chị Phạm Thị Hoài T theo thỏa thuận, chị

T có đơn đề nghị thi hành án thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chưa thi hành án(theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hoài T và anh Mai Thế Minh Đ mỗi người phải nộp 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị T nộp cả cho anh Đ được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B theo biên lai thu số: AA/2019/0007279 ngày 01/6/2021. Như vậy, chị T, anh Đ đã thi hành xong khoản lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

4. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

5. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

6. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND thị xã B
- Chi cục THADS thị xã B
- UBND phường Đ(T3/2017);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ